

Số: 1023 /QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bảng Tiêu chí thi đua, thang điểm đánh giá xếp hạng Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2019

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng Tiêu chí thi đua, thang điểm đánh giá xếp hạng và Phụ lục cách chấm điểm thi đua, xếp hạng Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2019.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng cùng cấp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc thực hiện Quyết định này, ký xác nhận, bảo đảm tính khách quan, chính xác trong việc tự chấm điểm của Sở Tư pháp.

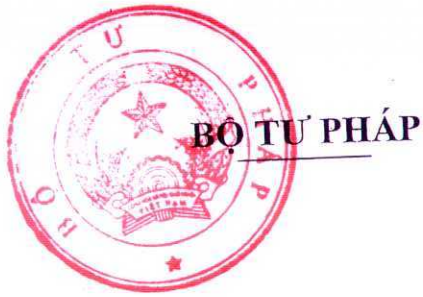
Điều 3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Trưởng, Phó trưởng các Khu vực thi đua, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Ban TĐKT Trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp chỉ đạo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Cổng Thông tin điện tử BTP (để đăng tải);
- Lưu: VT, TĐKT.

BỘ TRƯỞNG

Lê Thành Long



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019

PHỤ LỤC

Cách chấm điểm thi đua, xếp hạng

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1023/QĐ-BTP ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

A. CHẤM ĐIỂM THI ĐUA

I. TỰ CHẤM ĐIỂM CỦA SỞ TƯ PHÁP VÀ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ CHẤM CHO SỞ TƯ PHÁP

1. Cách tính điểm tự chấm của Sở Tư pháp và của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp

Căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chí đã được quy định, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức đánh giá, tự chấm điểm thi đua; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ được giao giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về các lĩnh vực đối với Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành của các tiêu chí, tổ chức đánh giá, chấm điểm cho Sở Tư pháp theo nguyên tắc như sau:

- Điểm chuẩn là mức điểm tối đa được chấm đối với tiêu chí và đạt được khi đơn vị hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng theo tiêu chí đặt ra;

- Thang điểm được xác định tương ứng với từng mức độ hiệu quả thực hiện nhiệm vụ mà đơn vị đạt được đối với từng tiêu chí. Đối với các tiêu chí không xác định thang điểm cụ thể và các tiêu chí có thang điểm chi tiết mà các đơn vị thuộc Bộ, Sở Tư pháp chấm không đạt mức điểm chuẩn của thang điểm đó, Sở Tư pháp và các đơn vị thuộc Bộ thực hiện trừ điểm cần nêu rõ lý do và tài liệu kiểm chứng cụ thể (nếu có);

- Không chấm điểm đối với các tiêu chí chưa thực hiện được (0 điểm).

2. Mốc thời gian được tính để chấm điểm kết quả công tác

Mốc thời gian được tính để chấm điểm kết quả công tác từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/10/2019 và ước tính đến 31/12/2019.

3. Thời gian gửi kết quả tự chấm điểm của Sở Tư pháp

Kết quả điểm tự chấm của Sở Tư pháp được gửi về Bộ Tư pháp (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) đồng thời gửi về Khu vực thi đua trước **ngày 15 tháng 11 năm 2019**.

4. Thời gian gửi kết quả chấm điểm Sở Tư pháp của các đơn vị thuộc Bộ

Kết quả chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ cho Sở Tư pháp được gửi về Bộ Tư pháp (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước **ngày 15 tháng 11 năm 2019**.

Lưu ý: Khi gửi kết quả chấm điểm, ngoài việc gửi theo đường công văn, Sở Tư pháp, các đơn vị thuộc Bộ đồng thời gửi file điện tử của kết quả chấm điểm (định dạng .xls hoặc .doc) đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng, Bộ Tư pháp: thidukhenthuong@moj.gov.vn.

II. CÁCH TÍNH TỔNG SỐ ĐIỂM THI ĐUA ĐỂ XÉT, ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SỞ TƯ PHÁP CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG NGÀNH TƯ PHÁP

Trên cơ sở kết quả tổng điểm tự chấm của Sở Tư pháp và tổng điểm của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp, cách tính tổng số điểm thi đua để xét, đánh giá xếp hạng Sở Tư pháp như sau:

$$\text{Tổng số điểm thi đua để xét, đánh giá xếp hạng} = \frac{\text{Tổng điểm tự chấm của Sở Tư pháp} + (\text{Tổng điểm của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp} \times 2)}{3}$$

Ví dụ: - Sở Tư pháp tỉnh A tự chấm tổng điểm đạt **183** điểm.

- Các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp tỉnh A đạt tổng điểm **186** điểm.

Kết quả:

$$\text{Tổng số điểm thi đua để xét, đánh giá xếp hạng đối với Sở Tư pháp tỉnh A} = \frac{183 + (186 \times 2)}{3} = 185 \text{ điểm}$$

B. XẾP HẠNG

Trên cơ sở kết quả các mặt công tác đã đạt được trong năm 2019, kết quả chấm điểm thi đua đối với các Sở Tư pháp, nhận xét đánh giá mức độ hoàn thành các tiêu chí và chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ được giao quản lý các lĩnh vực, nhiệm vụ của Sở Tư pháp và ý kiến chỉ đạo của tập thể Lãnh đạo Bộ về cơ cấu, số lượng các hạng thi đua trong năm 2019, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ngành xem xét, báo cáo xin ý kiến Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp và trình Bộ trưởng xem xét, quyết định xếp hạng các Sở Tư pháp năm 2019 thành **4** hạng: **Hạng A** (Xuất sắc), **Hạng B** (Tốt), **Hạng C** (Trung Bình) và **Hạng D** (Yếu). Cụ thể như sau:

I. HẠNG A (XUẤT SẮC)

Lựa chọn, xem xét các Sở Tư pháp đạt từ **190** điểm trở lên.

II. HẠNG B (TỐT)

Lựa chọn, xem xét các Sở Tư pháp đạt từ **180** đến dưới **190** điểm.

III. HẠNG C (TRUNG BÌNH)

Xem xét các Sở Tư pháp đạt từ **170** đến dưới **180** điểm.

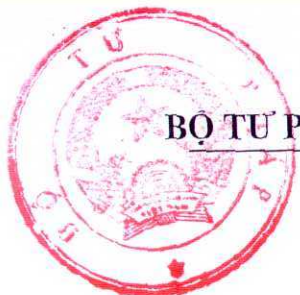
IV. HẠNG D (YẾU)

Các Sở Tư pháp đạt dưới **170** điểm.

***Lưu ý: Xếp hạng C trở xuống đối với các trường hợp sau đây**

- Đơn vị mất đoàn kết nội bộ, để xảy ra tình trạng tham ô, tham nhũng, lãng phí, đã có kết luận thanh tra, kiểm tra.
- Đơn vị có cán bộ, công chức, đảng viên vi phạm bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc có cá nhân vi phạm pháp luật bị truy tố.

Trên cơ sở kết quả đánh giá xếp hạng đối với các Sở Tư pháp và kết quả bình xét, suy tôn của các Khu vực thi đua, Bộ Tư pháp xem xét quyết định xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. /m



BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019

**BẢNG TIÊU CHÍ THI ĐUA, THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ XẾP HẠNG SỞ TƯ PHÁP
CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4023 /QĐ-BTP ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

STT	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
1	2	3	4	5
A	TRỌNG TÂM CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2019	155		
I	CÔNG TÁC XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH ĐỀ NGHỊ VÀ DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ CÔNG TÁC PHÁP CHẾ	15		
1	Công tác xây dựng pháp luật, thẩm định đề nghị, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	9		
1.1	Lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (Thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân)	2		
	<i>Thẩm định 100% đề nghị</i>	2		
	<i>Thẩm định từ 75% đến dưới 100% đề nghị</i>	1.5		
	<i>Thẩm định từ 50% đến dưới 75% đề nghị</i>	1.0		
	<i>Thẩm định dưới 50% đề nghị</i>	0.5		
1.2	Tham gia góp ý Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	2		
1.3	Thực hiện thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo đúng tiến độ	2		

	<i>Thẩm định đạt 100% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	2.0		
	<i>Thẩm định đạt từ 75% đến dưới 100% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	1.5		
	<i>Thẩm định đạt từ 50% đến dưới 75% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	1.0		
	<i>Thẩm định đạt dưới 50% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	0.5		
1.4	Chủ trì soạn thảo trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật đúng tiến độ	2		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đạt 100% tiến độ</i>	2		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đạt từ 75% đến dưới 100% tiến độ</i>	1.5		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đạt từ 50% đến dưới 75% tiến độ</i>	1.0		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đạt dưới 50% tiến độ</i>	0.5		
1.5	Lập danh mục ban hành văn bản quy định chi tiết	1		
2	Công tác pháp chế	6		
2.1	Phối hợp tham mưu đề xuất UBND tỉnh củng cố, kiện toàn và bố trí người làm công tác pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và có giải pháp nâng cao công tác này tại địa phương	2		
2.2	Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ pháp chế cho cán bộ pháp chế; kiểm tra công tác pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và doanh nghiệp nhà nước ở địa phương	2		
2.3	Báo cáo kết quả tình hình công tác pháp chế hàng năm của địa phương, trong đó, có số liệu về tổ chức pháp chế và người làm công tác pháp chế ở địa phương (thể hiện trong báo cáo công tác tư pháp năm của địa phương), gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp	2		
II	CÔNG TÁC KIỂM TRA, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	15		
1	Giúp UBND cấp tỉnh thực hiện công tác tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do UBND cấp tỉnh ban hành	2		
	<i>Tự kiểm tra đạt từ 90% đến 100% văn bản</i>	2		

	<i>Tự kiểm tra đạt từ 80% đến dưới 90% văn bản</i>	1.75		
	<i>Tự kiểm tra đạt từ 70% đến dưới 80% văn bản</i>	1.5		
	<i>Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra phát hiện ra văn bản trái pháp luật trong số văn bản quy phạm pháp luật đã được tự kiểm tra</i>	1.5		
	<i>Tự kiểm tra đạt dưới 70% văn bản</i>	0		
2	Tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền có hiệu quả (kiểm tra các văn bản nhận được thuộc thẩm quyền)	2		
	<i>Kiểm tra theo thẩm quyền đạt từ 90% trở lên số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền</i>	2		
	<i>Kiểm tra theo thẩm quyền đạt từ 80% đến dưới 90% số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền</i>	1.75		
	<i>Kiểm tra theo thẩm quyền đạt từ 70% đến dưới 80% số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền</i>	1.5		
	<i>Kiểm tra theo thẩm quyền đạt dưới 70% số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền</i>	0		
3	Tham mưu kịp thời xử lý văn bản QPPL theo đúng quy định của pháp luật sau khi nhận được kết luận kiểm tra văn bản của cơ quan có thẩm quyền	2		
	<i>Tham mưu kịp thời xử lý văn bản QPPL theo đúng quy định của pháp luật sau khi nhận được kết luận kiểm tra văn bản của cơ quan có thẩm quyền</i>	2		
	<i>Khi hết thời hạn xử lý theo quy định pháp luật vẫn chưa tham mưu xử lý văn bản QPPL</i>	1.5		
	<i>Không thực hiện</i>	0		
4	Tổ chức thực hiện rà soát thường xuyên kịp thời, đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp	2		
	<i>Rà soát đầy đủ, kịp thời ngay sau khi có căn cứ rà soát</i>	2		
	<i>Rà soát đầy đủ nhưng còn chưa kịp thời</i>	1.75		

	<i>Rà soát không đầy đủ, không kịp thời</i>	1.5		
	<i>Không thực hiện rà soát</i>	0		
5	Tham mưu kịp thời công bố Danh mục văn bản hết hiệu lực định kỳ hàng năm theo quy định	1.5		
	<i>Kịp thời công bố (chậm nhất ngày 31/01/2019)</i>	1.5		
	<i>Công bố sau ngày 31/01/2019 đến ngày 31/3/2019</i>	1.25		
	<i>Công bố sau ngày 31/3/2019</i>	1		
	<i>Không công bố</i>	0		
6	Thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời yêu cầu của Bộ Tư pháp trong kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn	1.5		
	<i>Thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời</i>	1.5		
	<i>Thực hiện đầy đủ, chính xác nhưng không kịp thời</i>	1.25		
	<i>Thực hiện không đầy đủ, không chính xác nhưng kịp thời</i>	1		
	<i>Thực hiện không đầy đủ, không chính xác, không kịp thời</i>	0.5		
	<i>Không thực hiện</i>	0		
7	Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật gồm: công tác thể chế, công tác phối hợp, tổ chức, biên chế, kinh phí, tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ này tại cấp huyện, cấp xã	1.5		
	<i>Thực hiện đầy đủ, kịp thời</i>	1.5		
	<i>Thực hiện không đầy đủ, không kịp thời</i>	1		
	<i>Không thực hiện nhiệm vụ</i>	0		
8	Tham mưu kịp thời công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2014 - 2018	1.5		
	<i>Thực hiện đầy đủ, kịp thời (Công bố chậm nhất ngày 01/3/2019 và đầy đủ các danh mục theo quy định)</i>	1.5		

	<i>Thực hiện kịp thời, không đầy đủ</i>	1.25		
	<i>Thực hiện đầy đủ, không kịp thời</i>	1		
	<i>Thực hiện không kịp thời, không đầy đủ</i>	0.5		
	<i>Không thực hiện nhiệm vụ</i>	0		
9	Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định	1		
	<i>Xây dựng và cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin vào hệ cơ sở dữ liệu về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL</i>	1		
	<i>Xây dựng và cập nhật thông tin vào hệ cơ sở dữ liệu về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL nhưng còn chưa kịp thời</i>	0.5		
	<i>Không xây dựng</i>	0		
III	CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ, XÂY DỰNG CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT	15		
1	Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	9		
1.1	Tổ chức tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư và tổng kết 05 năm Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật	2.5		
a	Tổ chức các đoàn kiểm tra đánh giá kết quả tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW và Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật	1		
b	Gửi báo cáo tổng kết về Bộ Tư pháp theo đúng thời hạn quy định trong kế hoạch tổng kết Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW (Theo Quyết định số 186-QĐ/TW của Ban Bí thư ngày 8/4/2019)	1.5		
	<i>Gửi báo cáo tổng kết về Bộ Tư pháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày cuối cùng của thời hạn gửi báo cáo được quy định trong kế hoạch tổng kết Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW (Theo Quyết định số 186-QĐ-TW của Ban Bí thư ngày 8/4/2019)</i>	0.5		

	<i>Không gửi hoặc gửi báo cáo tổng kết về Bộ Tư pháp sau ngày thứ 15 kể từ ngày tiếp theo ngày cuối cùng của thời hạn gửi báo cáo được quy định trong kế hoạch tổng kết Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW (Theo Quyết định số 186-QĐ/TW của Ban Bí thư ngày 8/4/2019)</i>	0		
1.2	Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.5		
a	Tổ chức các đoàn kiểm tra của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh tại cơ sở	0.5		
b	Gửi báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh năm 2019 về Bộ Tư pháp trước ngày 30/11/2019	1		
	<i>Gửi báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh năm 2019 về Bộ Tư pháp từ ngày 30/11/2019 đến ngày 15/12/2019</i>	0.5		
	<i>Không gửi hoặc gửi báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh năm 2019 về Bộ Tư pháp sau ngày 15/12/2019</i>	0		
1.3	Triển khai tuyên truyền, phổ biến các Luật, Pháp lệnh, văn bản mới ban hành	1		
a	Biên soạn, phát hành các tài liệu tuyên truyền, phổ biến các Luật, Pháp lệnh, văn bản mới ban hành (bản giấy hoặc trên môi trường mạng)	0.5		
b	Tổ chức phổ biến các Luật, Pháp lệnh mới ban hành với nhiều hình thức phù hợp khác	0.5		
1.4	Tổ chức triển khai Ngày Pháp luật năm 2019 theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp và đặc thù của địa phương	0.5		
a	Ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo triển khai Ngày Pháp luật	0.25		
b	Tổ chức hưởng ứng Ngày Pháp luật bằng các hình thức cụ thể, phù hợp theo hướng dẫn	0.25		
1.5	Tổ chức thực hiện Thông tư quy định về Bộ Tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL (Tổng hợp và gửi kết quả tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí về hiệu quả công tác PBGDPL của địa phương trong báo cáo công tác tư pháp năm 2019 về Bộ Tư pháp theo đúng thời hạn quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019)	0.5		

1.6	Thực hiện quản lý nhà nước đối với đội ngũ Báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật	0.5		
a	Tổ chức Hội nghị tập huấn Báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật	0.25		
b	Rà soát, kiện toàn đội ngũ Báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật hoặc cung cấp tài liệu phục vụ hoạt động của đội ngũ này	0.25		
1.7	Phối hợp triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	0.5		
a	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, báo cáo viên pháp luật ngành giáo dục, giáo viên, giảng viên giảng dạy giáo dục công dân, pháp luật trong nhà trường	0.25		
b	Phối hợp tổ chức các hoạt động ngoại khóa tìm hiểu kiến thức pháp luật	0.25		
1.8	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	1		
a	Xây dựng, thường xuyên cập nhật, đăng tải tài liệu, tin, bài về PBGDPL trên Trang thông tin/Chuyên mục PBGDPL	0.5		
b	Tổ chức các cuộc thi trực tuyến hoặc các chương trình, tọa đàm đối thoại chính sách pháp luật trực tuyến hoặc các hình thức ứng dụng công nghệ thông tin khác trong công tác PBGDPL	0.5		
1.9	Tổ chức triển khai các hoạt động PBGDPL cho các đối tượng đặc thù phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương	0.5		
1.10	Triển khai Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật	0.5		
a	Tổ chức quán triệt, tập huấn, hướng dẫn thực hiện xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật bằng hình thức phù hợp	0.25		
b	Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả, xác định nhu cầu khai thác, sử dụng Tủ sách pháp luật để xem xét, quyết định hướng xử lý theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg	0.25		

2.	Công tác hòa giải ở cơ sở	3.5		
2.1	Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành	0.5		
2.2	Tổ chức tổng kết 05 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở (Báo cáo tổng kết)	1		
	<i>Gửi Báo cáo tổng kết về Bộ Tư pháp trước ngày 01/4/2019</i>	1		
	<i>Gửi báo cáo tổng kết về Bộ Tư pháp từ ngày 01/4/2019 đến ngày 15/4/2019</i>	0.5		
	<i>Không gửi hoặc gửi báo cáo tổng kết về Bộ Tư pháp sau ngày 15/4/2019</i>	0		
2.3	Có tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ nâng cao kiến thức, kỹ năng hòa giải cho hòa giải viên ở cơ sở (tổ chức hoặc phối hợp, lồng ghép với các hoạt động khác có liên quan)	0.5		
2.4	Tỷ lệ số vụ việc hòa giải thành	1.5		
	<i>Đạt từ 80% trở lên</i>	1.5		
	<i>Đạt từ 70% đến dưới 80%</i>	1		
	<i>Đạt từ 50% đến dưới 70%</i>	0.75		
	<i>Đạt dưới 50%</i>	0		
3	Công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	2.5		
3.1	Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	0.5		
3.2	Công bố kết quả cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo đúng thời hạn quy định (Căn cứ: Thời điểm công bố kết quả của tất cả các đơn vị cấp xã trên Cổng thông tin cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân, Sở Tư pháp)	0.5		
	<i>Công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (gọi chung là công bố kết quả) trên Cổng thông tin trước ngày 01/3/2019</i>	0.5		
	<i>Công bố kết quả trên Cổng thông tin từ ngày 01/3/2019 đến ngày 15/3/2019</i>	0.25		
	<i>Không công bố hoặc công bố kết quả sau ngày 15/3/2019</i>	0		

3.3	Tổ chức sơ kết, báo cáo sơ kết thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	1		
	<i>Gửi Báo cáo sơ kết về Bộ Tư pháp trước ngày 01/9/2019</i>	1		
	<i>Gửi báo cáo sơ kết về Bộ Tư pháp từ ngày 01/9/2019 đến ngày 15/9/2019</i>	0.5		
	<i>Không gửi hoặc gửi báo cáo sơ kết về Bộ Tư pháp sau ngày 15/9/2019</i>	0		
3.4	Tổ chức kiểm tra, khảo sát tình hình thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (có hoạt động kiểm tra, khảo sát chuyên ngành hoặc kết hợp)	0.5		
IV	CÔNG TÁC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ	15		
1	Thực hiện ký kết hợp đồng với luật sư để bảo đảm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trợ giúp pháp lý tại địa phương	2		
2	Trợ giúp viên pháp lý hoàn thành chỉ tiêu vụ việc tham gia tố tụng năm 2019 theo Công văn số 5052/BTP-TGPL ngày 28/12/2018 trong đó:	3		
	<i>100% số trợ giúp viên pháp lý đạt chỉ tiêu tham gia tố tụng trong đó có 50% tổng số trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm đạt chỉ tiêu từ khá trở lên</i>	3		
	<i>70% số trợ giúp viên pháp lý trở lên đạt chỉ tiêu tham gia tố tụng</i>	2		
	<i>50% đến dưới 70% số trợ giúp viên pháp lý đạt chỉ tiêu tham gia tố tụng</i>	1		
3	Nâng cao chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý	2		
3.1	Ban hành Kế hoạch đánh giá chất lượng theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	0,5		
3.2	Không có khiếu nại về chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý từ người được trợ giúp pháp lý hoặc có khiếu nại nhưng khiếu nại không đúng.	0,5		
3.3	Thực hiện đánh giá và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định tại Thông tư số 12/2018/TT-BTP.	1		
4	Thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng	3		
4.1	- Xây dựng Kế hoạch, triển khai Kế hoạch thực hiện Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,	1,5		

	Tòa án nhân dân tối cao hoặc lồng ghép nội dung này trong quá trình ban hành, triển khai Kế hoạch phối hợp liên ngành ở địa phương năm 2019; xây dựng Kế hoạch phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng và thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng tại cấp huyện; ban hành văn bản chỉ đạo các thành viên của Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở địa phương thực hiện các nhiệm vụ trong Thông tư liên tịch số 10, đặc biệt nội dung thuộc trách nhiệm của các ngành thành viên.			
4.2	Có báo cáo, thống kê theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao.	1,5		
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động trợ giúp pháp lý	4		
5.1	Sử dụng Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý để tổng hợp số liệu, thống kê phục vụ công tác báo cáo, thống kê theo quy định.	3		
5.2	Thực hiện đăng tải danh sách tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý trên địa bàn và cập nhật danh sách khi có sự thay đổi theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý.	1		
6	Thực hiện báo cáo theo đúng quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý và theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý ở Trung ương.	1		
V	CÔNG TÁC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC	15		
1	Lĩnh vực hộ tịch	7.25		
1.1	Thực hiện nhiệm vụ quản lý trong lĩnh vực hộ tịch tại địa phương	6.5		
a	Phối hợp tham gia góp ý xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hộ tịch	1.0		
	<i>Có phối hợp tham gia góp ý nhưng không đúng thời hạn</i>	0.5		
	<i>Không phối hợp tham gia góp ý</i>	0		

b	Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tổ chức bồi dưỡng, cấp chứng chỉ nghiệp vụ cho công chức làm công tác hộ tịch	1.0		
c	Đảm bảo trên 90% công chức làm công tác hộ tịch của địa phương đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Luật Hộ tịch	0.5		
d	Chủ động hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký hộ tịch, tháo gỡ khó khăn vướng mắc từ cơ sở	1.0		
đ	Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra việc đăng ký, quản lý hộ tịch của cơ quan tư pháp địa phương	1.0		
	<i>Tổ chức thực hiện không hiệu quả</i>	0.5		
	<i>Không thực hiện</i>	0		
e	Không có sai phạm, vi phạm pháp luật trong việc thực hiện đăng ký hộ tịch tại các cơ quan tư pháp địa phương	2.0		
*	Không có sai phạm ở mức độ nghiêm trọng hoặc xảy ra ở nhiều địa bàn theo Kết luận kiểm tra, thanh tra	1.0		
*	Không có khiếu nại, tố cáo (có cơ sở) về việc đăng ký hộ tịch trái quy định	0.5		
*	Không có phản ánh, kiến nghị của báo chí, công dân (có cơ sở) về thái độ tiếp công dân không đúng mực, biểu hiện sách nhiễu, phiền hà	0.5		
1.2	Chủ động xử lý thông tin báo chí, phối hợp thực hiện công tác báo cáo kịp thời, đúng thời hạn theo yêu cầu	0.75		
	<i>Có kiểm tra, xử lý nhưng không đúng thời hạn</i>	0.5		
	<i>Để đơn đốc nhiều lần mới kiểm tra, xử lý</i>	0.25		
	<i>Không kiểm tra, xử lý, báo cáo theo yêu cầu</i>	0		
2.	Lĩnh vực quốc tịch	3		
2.1	Tiếp nhận đúng thẩm quyền và tham mưu giải quyết đúng trình tự, thủ tục xin nhập, xin thôi, xin trở lại quốc tịch Việt Nam; xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, xin cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (đảm bảo tiếp nhận đầy đủ hồ sơ, thời hạn giải quyết)	1		

	<i>Giải quyết không đúng trình tự, thủ tục, quá thời hạn giải quyết; Hồ sơ xin nhập/thôi/trở lại quốc tịch Việt Nam gửi đến Bộ Tư pháp, hồ sơ đề nghị tra cứu quốc tịch Việt Nam gửi đến Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực không đầy đủ theo quy định, Bộ/Cục phải có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc trả lại hồ sơ</i>			
	<i>Có từ 02-03 hồ sơ</i>	0.75		
	<i>Có từ 04-05 hồ sơ</i>	0.5		
	<i>Từ 06 hồ sơ trở lên</i>	0		
2.2	Không để xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo (có cơ sở) của người dân liên quan đến vấn đề quốc tịch trong phạm vi quản lý	1		
	<i>Để xảy ra 01 vụ việc</i>	0.5		
	<i>Để xảy ra từ 02 vụ việc trở lên</i>	0		
2.3	Chăm điểm đặc thù trong lĩnh vực quốc tịch			
a	Áp dụng đối với các tỉnh tham gia thực hiện Tiểu Đề án 2 và những tỉnh biên giới Việt Lào (An Giang, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Bình Phước, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Cà Mau, Đồng Nai, Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam)			
*	- Triển khai có hiệu quả <i>Tiểu Đề án 2</i> “Giải quyết các vấn đề về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân khác cho người di cư tự do từ Campuchia về nước” trong việc rà soát, đăng ký khai sinh cho trẻ em là con của người dân di cư tự do về Việt Nam đủ điều kiện đăng ký (đối với những tỉnh tham gia Tiểu Đề án 2) - Thực hiện đúng thời hạn và đảm bảo chất lượng các nhiệm vụ liên quan đến “Thỏa thuận giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào về việc giải quyết vấn đề di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước” như: Hoàn thiện sớm việc lập hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam cho những người đủ điều kiện sau khi danh sách được phê duyệt; Hướng dẫn kịp thời việc đăng ký kết hôn, đăng ký khai sinh cho những người đã được Chủ tịch nước cho nhập quốc tịch Việt Nam; Tổ chức tổng kết việc thực hiện Thỏa thuận Việt – Lào đúng thời hạn và đảm bảo chất lượng (đối với những tỉnh biên giới Việt – Lào)	1		

	<p><i>Chậm triển khai thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đảm bảo chất lượng một trong những nhiệm vụ sau:</i></p> <p>+ <i>Rà soát, đăng ký khai sinh cho trẻ em là con của người dân di cư tự do về Việt Nam đủ điều kiện đăng ký</i></p>			
	<p>+ <i>Hoàn thiện việc lập hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam cho những người đủ điều kiện sau khi danh sách được phê duyệt</i></p> <p>+ <i>Hướng dẫn việc đăng ký kết hôn, đăng ký khai sinh cho những người đã được Chủ tịch nước cho nhập quốc tịch Việt Nam</i></p> <p>+ <i>Tổ chức tổng kết việc thực hiện Thỏa thuận Việt – Lào</i></p>	0.5		
	<p><i>Thuộc một trong hai trường hợp sau:</i></p> <p>- <i>Không triển khai thực hiện việc rà soát, đăng ký khai sinh cho trẻ em là con của người dân di cư tự do về Việt Nam đủ điều kiện đăng ký</i></p> <p>- <i>Chậm triển khai việc lập hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam cho những người đủ điều kiện sau khi danh sách được phê duyệt và tổ chức tổng kết việc thực hiện Thỏa thuận Việt – Lào không đúng hướng dẫn, thời hạn</i></p>	0		
b	Áp dụng đối với các tỉnh không tham gia thực hiện Tiểu Đề án 2 và Thỏa thuận Việt - Lào			
*	Chủ động nghiên cứu văn bản pháp luật quốc tịch để giải quyết kịp thời các yêu cầu về quốc tịch	1		
3	Lĩnh vực chứng thực	4.75		
3.1	Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng thực tại địa phương	2		
a	Chủ động hướng dẫn nghiệp vụ chứng thực, tháo gỡ khó khăn vướng mắc từ cơ sở, không để tình trạng đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ vượt cấp	1		
b	Phối hợp tham gia góp ý xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực chứng thực đúng thời hạn theo yêu cầu	1		
	<i>Có phối hợp tham gia góp ý nhưng không đúng thời hạn</i>	0.5		
	<i>Không phối hợp tham gia góp ý</i>	0		

3.2	Không có sai phạm, vi phạm pháp luật trong thực hiện chứng thực tại các cơ quan tư pháp địa phương	2		
a	Không có cán bộ, công chức vi phạm pháp luật trong thực hiện chứng thực (có kết luận kiểm tra, thanh tra về sai phạm)	1		
b	Không có khiếu nại, tố cáo (có cơ sở) về việc chứng thực trái quy định	0.5		
c	Không có phản ánh, kiến nghị của báo chí, công dân (có cơ sở) về thái độ tiếp công dân không đúng mực, biểu hiện sách nhiễu, phiền hà	0.5		
3.3	Chủ động xử lý thông tin báo chí, phối hợp thực hiện công tác báo cáo kịp thời, đúng thời hạn theo yêu cầu	0.75		
	<i>Có kiểm tra, xử lý nhưng không đúng thời hạn</i>	0.5		
	<i>Để đơn đọc nhiều lần mới kiểm tra, xử lý</i>	0.25		
	<i>Không kiểm tra, xử lý, báo cáo theo yêu cầu</i>	0		
VI	CÔNG TÁC BỒ TRỢ TƯ PHÁP	20		
1	Lĩnh vực luật sư, tư vấn pháp luật	5		
1.1	Thực hiện đầy đủ và đảm bảo chất lượng, đúng quy định về quy trình tiếp nhận, kiểm tra và chuyển hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư theo Điều 17 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư, Nghị định số 137/2018/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1		
1.2	Thực hiện đầy đủ quy định về đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, luật sư hành nghề với tư cách cá nhân tại địa phương và có văn bản thông báo Bộ Tư pháp về việc đăng ký hoạt động	0.5		
1.3	Có Kế hoạch và triển khai công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động luật sư để bảo đảm hoạt động của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn tỉnh, thành phố theo đúng quy định của pháp luật; có văn bản báo cáo kết quả cụ thể hoặc Kết luận kiểm tra, thanh tra gửi Bộ Tư pháp.	1		
1.4	Giải quyết 100% các khiếu nại, tố cáo (nếu có) hoặc không phát sinh khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư tại địa phương	0.5		

1.5	Tham mưu cho UBND cấp tỉnh, hỗ trợ Đoàn luật sư xây dựng Đề án tổ chức Đại hội luật sư của Đoàn bảo đảm tổ chức Đại hội nhiệm kỳ thành công và đúng thời hạn nhiệm kỳ 05 năm	0.5		
1.6	Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 30/3/2009 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư, trong đó quan tâm, hỗ trợ Đoàn luật sư trong việc phát triển công tác đảng (thành lập/củng cố tổ chức đảng của Đoàn luật sư, phát triển đảng viên là luật sư)	0.5		
1.7	Thực hiện giải pháp khác để quản lý hiệu quả hoạt động luật sư tại địa phương và có giải pháp hỗ trợ phát triển nghề luật sư tại địa phương	0.5		
1.8	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh, thực hiện có hiệu quả Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ về tư vấn pháp luật, trong đó, tập trung xây dựng chính sách, triển khai biện pháp hỗ trợ phát triển tổ chức, hoạt động tư vấn pháp luật tại địa phương và thực hiện các nhiệm vụ khác theo thẩm quyền	0.5		
2	Lĩnh vực công chứng, thừa phát lại	6		
2.1	Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy định về đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng, đăng ký hành nghề, cấp Thẻ cho các công chứng viên	0.5		
2.2	Tiếp nhận, thẩm tra đầy đủ, có chất lượng và có quan điểm cụ thể về hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm công chứng viên; về hồ sơ đề nghị tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng về Bộ Tư pháp	0.5		
2.3	Có giải pháp và tổ chức thực hiện hiệu quả Luật công chứng sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch, thực hiện có hiệu quả việc quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng tại địa phương	1		
2.4	Có Kế hoạch và triển khai công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động công chứng để bảo đảm hoạt động của công chứng viên, Văn phòng công chứng, Phòng công chứng trên địa bàn tỉnh, thành phố theo đúng quy định của pháp luật; có văn bản báo cáo kết quả cụ thể hoặc Kết luận kiểm tra, thanh tra gửi Bộ Tư pháp.	0.5		

2.5	Giải quyết 100% các khiếu nại, tố cáo (nếu có) hoặc không phát sinh khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động công chứng tại địa phương.	0.5		
2.6	Thực hiện hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về tổ chức, hoạt động công chứng theo thẩm quyền (không để vượt cấp).	0.5		
2.7	Có giải pháp phát triển, phát huy vai trò tự quản và việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Hội công chứng viên; phối hợp hiệu quả với Hội công chứng viên tại địa phương trong công tác quản lý nhà nước về công chứng.	1		
2.8	Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng hiện có; xây dựng và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng tại địa phương.	0.5		
2.9	Có các giải pháp nhằm triển khai có hiệu quả hoạt động Thừa phát lại tại địa phương	1		
3	Lĩnh vực đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, quản tài viên, hòa giải thương mại	5		
3.1	Phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành liên quan đến hoạt động bán đấu giá tài sản và đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bảo đảm phù hợp với quy định của Luật đấu giá tài sản	0.5		
3.2	Rà soát, đề nghị doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày 01/7/2017 chuyển đổi đăng ký hoạt động theo quy định của Luật đấu giá tài sản và công bố nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản lên Cổng Thông tin của Sở Tư pháp	0.5		
3.3	Công bố, cập nhật danh sách đội ngũ đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và gửi cho Bộ Tư pháp	0.5		
3.4	Có Kế hoạch và triển khai công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn, có biện pháp kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về đấu giá tài sản tại địa phương	1		
3.5	Giúp Ủy ban nhân dân thực hiện có hiệu quả việc quản lý nhà nước trong hoạt động đấu giá tài sản; thường xuyên tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các tổ chức bán đấu giá tài sản trong phạm vi địa phương	1		

3.6	Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Tư pháp về hoạt động đấu giá tài sản tại địa phương	0.5		
3.7	Công bố, cập nhật danh sách quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản và gửi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản cho Bộ Tư pháp công bố nếu có	0.5		
3.8	Công bố, cập nhật danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc, danh sách tổ chức hòa giải thương mại tại địa phương nếu có	0.5		
4	Lĩnh vực giám định tư pháp	3		
4.1	Triển khai có hiệu quả Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 28/2/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp và các văn bản khác về GDTP	1		
4.2	Rà soát, lập, đăng tải danh sách tổ chức, người giám định tư pháp trên Cổng Thông tin điện tử UBND cấp tỉnh & gửi Bộ Tư pháp; Báo cáo về tổ chức và hoạt động giám định tư pháp tại địa phương	1		
4.3	Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp lý và nghiệp vụ giám định tư pháp việc và củng cố tổ chức giám định tư pháp	0.5		
4.4	Tham gia đầy đủ, có chất lượng việc góp ý xây dựng văn bản về giám định tư pháp	0.5		
5	Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp tại địa phương	1		
VII	CÔNG TÁC QUẢN LÝ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT	15		
1	Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính	7.5		
1.1	Kiểm tra về công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính hoặc trong từng lĩnh vực trọng tâm	1.5		
	<i>Tổ chức kiểm tra về công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính hoặc trong từng lĩnh vực trọng tâm</i>	<i>1.5</i>		
	<i>Không tổ chức kiểm tra</i>	<i>0</i>		

1.2	Tham mưu xử lý thông tin tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc góp ý văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu của Bộ Tư pháp	2		
	<i>Tham mưu xử lý thông tin tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc góp ý văn bản quy phạm pháp luật đúng thời hạn</i>	2		
	<i>Tham mưu xử lý thông tin tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc góp ý văn bản quy phạm pháp luật không đúng thời hạn</i>	1		
	<i>Không thực hiện</i>	0		
1.3	Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính	2		
	<i>Tổ chức phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính</i>	2		
	<i>Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về xử lý vi phạm hành chính</i>	1		
	<i>Hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính</i>	1		
	<i>Không thực hiện phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ</i>	0		
1.4	Tham mưu UBND cấp tỉnh thực hiện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2018	1		
	<i>Ban hành báo cáo kịp thời (trước ngày 20/01/2019)</i>	1		
	<i>Ban hành báo cáo không kịp thời (từ ngày 20/01/2019 trở đi)</i>	0.5		
	<i>Không ban hành báo cáo</i>	0		
1.5	Tham mưu UBND cấp tỉnh thực hiện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 06 tháng năm 2019	1		
	<i>Ban hành báo cáo kịp thời (trước ngày 20/7/2019)</i>	1		
	<i>Ban hành báo cáo không kịp thời (từ ngày 20/7/2019 trở đi)</i>	0.5		
	<i>Không ban hành báo cáo</i>	0		
2	Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật	7.5		
2.1	Tham mưu cho UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật	1.5		

	<i>Ban hành Kế hoạch kịp thời (trước ngày 01/02 của năm Kế hoạch)</i>	1.5		
	<i>Ban hành Kế hoạch không kịp thời (từ ngày 01/02 đến trước ngày 01/4 của năm Kế hoạch)</i>	1		
	<i>Ban hành Kế hoạch không kịp thời (từ ngày 01/4 trở đi của năm Kế hoạch)</i>	0.5		
	<i>Không ban hành Kế hoạch</i>	0		
2.2	Điều tra, khảo sát về theo dõi tình hình thi hành pháp luật	1		
	<i>Tổ chức điều tra, khảo sát</i>	1		
	<i>Không tổ chức điều tra, khảo sát</i>	0		
2.3	Kiểm tra tình hình theo dõi thi hành pháp luật	1		
	<i>Tổ chức kiểm tra</i>	1		
	<i>Không tổ chức kiểm tra</i>	0		
2.4	Thu thập và xử lý thông tin về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Ban hành văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền	1		
a	Thu thập và xử lý thông tin về theo dõi tình hình thi hành pháp luật	0.5		
b	Ban hành văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền	0.5		
2.5	Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về theo dõi thi hành pháp luật	2		
	<i>Tổ chức phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ</i>	2		
	<i>Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật</i>	1		
	<i>Hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ</i>	1		
	<i>Không thực hiện phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ</i>	0		
2.6	Tham mưu UBND cấp tỉnh thực hiện báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2019	1		

	<i>Ban hành báo cáo kịp thời (trước ngày 15/10/2019)</i>	1		
	<i>Ban hành báo cáo không kịp thời (từ ngày 15/10/2019 trở đi)</i>	0.5		
	<i>Không ban hành báo cáo</i>	0		
VIII	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	15		
1	Ban hành Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Tư pháp năm 2019	1		
	<i>Ban hành chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm 2019</i>	1		
	<i>Ban hành sau ngày 31 tháng 01 năm 2019 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2019</i>	0.5		
	<i>Ban hành sau ngày 31 tháng 3 năm 2019 hoặc không ban hành</i>	0		
2	Cập nhật, rà soát văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Nghị định 52/2015/NĐ-CP (Đảm bảo Cơ sở dữ liệu đã được tích hợp trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và Trang Thông tin điện tử của Sở)	5		
2.1	Có áp dụng chữ ký số để xác thực các văn bản trên CSDL	1		
	<i>Áp dụng chữ ký số để xác thực tất cả các văn bản trên CSDL</i>	1		
	<i>Không áp dụng chữ ký số hoặc có áp dụng nhưng chưa đầy đủ đối với tất cả văn bản trên CSDL</i>	0		
2.2	Cập nhật văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Nghị định 52/2015/NĐ-CP	2		
a	Cập nhật đảm bảo chính xác, đầy đủ các trường thông tin theo quy định tại Điều 3 và Điều 14 Nghị định 52/2015/NĐ-CP	1		
b	Cập nhật đảm bảo đúng thời hạn cập nhật theo quy định tại Điều 17 Nghị định 52/2015/NĐ-CP	1		
	<i>Không cập nhật</i>	0		
2.3	Cập nhật, rà soát kết quả Hệ thống hóa văn bản QPPL lên CSDL quốc gia về pháp luật	2		

a	Công khai kết quả Hệ thống hóa văn bản QPPL trên CSDL quốc gia về pháp luật trước ngày 1/7/2019	1		
b	Hoàn thành việc rà soát kết quả hệ thống hóa trên CSDL quốc gia về pháp luật trước 1/10/2019	1		
	<i>Không cập nhật, rà soát hoặc cập nhật chưa đầy đủ kết quả Hệ thống hóa văn bản QPPL</i>	0		
3	Tỷ lệ xử lý hồ sơ đăng ký cấp phiếu lý lịch tư pháp nộp trực tuyến (Tiếp nhận/Từ chối tiếp nhận/Yêu cầu bổ sung hồ sơ/Hủy đăng ký quá hạn nộp hồ sơ)	1		
	<i>Trên 80% số hồ sơ đăng ký nộp trực tuyến</i>	1		
	<i>Từ 50% đến 80% số hồ sơ đăng ký nộp trực tuyến</i>	0.5		
	<i>Dưới 50% số hồ sơ đăng ký nộp trực tuyến</i>	0		
4	Việc sử dụng Phần mềm Quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý	4		
4.1	Quản lý tổ chức	1		
	<i>Cập nhật đầy đủ thông tin tổ chức, chi nhánh</i>	1		
	<i>Không cập nhật thông tin hoặc cập nhật không đầy đủ</i>	0		
4.2	Quản lý cán bộ	1		
	<i>Cập nhật đầy đủ thông tin về công chức, viên chức, người lao động tại Trung tâm và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác</i>	1		
	<i>Không cập nhật thông tin hoặc cập nhật không đầy đủ</i>	0		
4.3	Quản lý vụ việc trợ giúp pháp lý	2		
	<i>Cập nhật đầy đủ việc, vụ việc thụ lý</i>	2		
	<i>Cập nhật không đầy đủ việc, vụ việc thụ lý</i>	1		
	<i>Không cập nhật</i>	0		
5	Về ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực hộ tịch	4		
5.1	Đã triển khai việc đăng ký khai sinh điện tử và cấp số định danh cá nhân theo Luật Hộ tịch và Luật Căn cước công dân	2		

	<i>Đã triển khai trước Quý III/2019</i>	2		
	<i>Đã triển khai trong Quý III, IV/2019</i>	1		
	<i>Chưa triển khai</i>	0		
5.2	Đã triển khai trực tiếp hoặc thực hiện tích hợp dữ liệu hộ tịch điện tử của địa phương vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc	2		
	<i>Đã triển khai trước Quý III/2019</i>	2		
	<i>Đã triển khai trong Quý III, IV/2019</i>	1		
	<i>Chưa triển khai</i>	0		
IX	NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KHÁC	30		
1	Công tác bồi thường nhà nước	5		
1.1	Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện công tác bồi thường nhà nước	0.5		
	<i>Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác bồi thường hoặc lồng ghép vào kế hoạch công tác tư pháp trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền bảo đảm đầy đủ, đúng nội dung theo quy định của Luật TNBTCNN và các văn bản hướng dẫn thi hành</i>	0.5		
	<i>Không tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác bồi thường nhà nước</i>	0		
1.2	Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước	1		
	<i>Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước</i>	1		
	<i>Không tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước</i>	0		
1.3	Công tác hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước tại địa phương; hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường	1		

	<i>Chủ động, kịp thời hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước; hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường trong phạm vi địa phương mình quản lý khi có yêu cầu của người bị thiệt hại</i>	1		
	<i>Không thực hiện công tác hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước; hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường</i>	0		
1.4	Thực hiện công tác kiểm tra (định kỳ, đột xuất), thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước trong phạm vi địa phương quản lý	1		
	<i>Thực hiện đầy đủ việc kiểm tra (định kỳ, đột xuất) công tác bồi thường nhà nước thuộc phạm vi quản lý hoặc lồng ghép kiểm tra công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động kiểm tra công tác tư pháp và công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước</i>	1		
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc kiểm tra (định kỳ, đột xuất) công tác bồi thường nhà nước và công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước</i>	0		
1.5	Tham gia giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật về bồi thường nhà nước; Công tác theo dõi, đôn đốc việc giải quyết bồi thường, chi trả bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật	1		
	<i>Tham gia đầy đủ việc giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật về bồi thường nhà nước; Thực hiện việc theo dõi, đôn đốc việc giải quyết bồi thường, chi trả bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả đúng quy định của pháp luật</i>	1		
	<i>Không tham gia đầy đủ việc giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật về bồi thường nhà nước; Thực hiện việc theo dõi, đôn đốc việc giải quyết bồi thường, chi trả bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả không đúng quy định của pháp luật hoặc không thực hiện các nội dung trên</i>	0		
1.6	Công tác phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương thực hiện công tác bồi thường nhà nước	0.5		

	<i>Chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương thực hiện công tác bồi thường nhà nước</i>	0.5		
	<i>Không thực hiện việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương thực hiện công tác bồi thường nhà nước</i>	0		
2	Công tác Lý lịch tư pháp	10		
2.1	Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về Lý lịch tư pháp tại địa phương	1		
a	Bảo đảm các văn bản và ý kiến chỉ đạo của Bộ Tư pháp trong lĩnh vực Lý lịch tư pháp được triển khai đúng thời hạn	0.5		
b	Thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Lý lịch tư pháp tại địa phương	0.5		
2.2	Thực hiện nhiệm vụ cấp Phiếu lý lịch tư pháp	3.5		
a	Bảo đảm thực hiện đúng trình tự, thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp	0.5		
b	Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong cấp Phiếu Lý lịch tư pháp (bao gồm: tiếp nhận hồ sơ, tra cứu, xác minh thông tin, lập phiếu LLTP)	1		
c	Bảo đảm thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp	2		
	<i>Bảo đảm từ 95% Phiếu lý lịch tư pháp trở lên được cấp đúng thời hạn</i>	2		
	<i>Bảo đảm từ 90% đến dưới 95% Phiếu lý lịch tư pháp được cấp đúng thời hạn</i>	1.5		
	<i>Bảo đảm từ 85% đến dưới 90 % Phiếu lý lịch tư pháp được cấp đúng thời hạn</i>	1		
	<i>Bảo đảm từ 80% đến dưới 85 % Phiếu lý lịch tư pháp được cấp đúng thời hạn</i>	0.5		
	<i>Bảo đảm từ 60% đến dưới 80 % Phiếu lý lịch tư pháp được cấp đúng thời hạn</i>	0.25		
	<i>Dưới 60 % Phiếu lý lịch tư pháp được cấp đúng thời hạn</i>	0		
2.3	Thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại địa phương theo quy định của pháp luật	4.5		
a	Thực hiện tốt việc vào sổ tiếp nhận thông tin do các cơ quan các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp	1		
	<i>Thực hiện việc vào sổ tiếp nhận được 80% trở lên thông tin do các cơ quan các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp</i>	1		

	<i>Thực hiện việc vào sổ tiếp nhận được từ 50% đến dưới 80% thông tin do các cơ quan các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp</i>	0.5		
	<i>Thực hiện việc vào sổ tiếp nhận dưới 50% thông tin do các cơ quan các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp</i>	0.25		
b	Thực hiện tốt việc lập LLTP và cập nhật thông tin LLTP bổ sung vào phần mềm quản lý LLTP của Sở Tư pháp (về mặt số lượng)	1		
	<i>Thực hiện tốt việc lập LLTP và cập nhật thông tin LLTP bổ sung vào Phần mềm quản lý LLTP của Sở Tư pháp</i>	1		
	<i>Thực hiện chưa tốt việc lập LLTP và cập nhật thông tin LLTP bổ sung vào Phần mềm quản lý LLTP của Sở Tư pháp</i>	0.5		
c	Thực hiện cung cấp kịp thời bản lý lịch tư pháp và thông tin lý lịch tư pháp bổ sung cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia	1		
-	Thực hiện việc cung cấp kịp thời bản lý lịch tư pháp lập được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia	0.5		
	<i>Thực hiện cung cấp từ 50% trở lên bản lý lịch tư pháp lập được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0.5		
	<i>Thực hiện cung cấp dưới 50% bản lý lịch tư pháp lập được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0.25		
-	Thực hiện việc cung cấp kịp thời thông tin lý lịch tư pháp bổ sung cập nhật được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia	0.5		
	<i>Thực hiện cung cấp từ 50% trở lên thông tin lý lịch tư pháp bổ sung cập nhật được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0.5		
	<i>Thực hiện cung cấp dưới 50% thông tin lý lịch tư pháp bổ sung cập nhật được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0.25		
d	Thực hiện tốt việc phối hợp rà soát thông tin lý lịch tư pháp	0.5		
	<i>Trả lời đúng thời hạn, quy định đối với công văn rà soát thông tin lý lịch tư pháp của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0.5		
	<i>Trả lời không đúng thời hạn, quy định đối với công văn rà soát thông tin lý lịch tư pháp của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0.25		

e	Đảm bảo chất lượng lập lý lịch tư pháp đúng quy định	1		
2.4	Triển khai thực hiện rà soát đối tượng người bị kết án thuộc diện đương nhiên xóa án tích theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 theo hướng dẫn của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia	1		
3	Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo	10		
3.1	Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm đúng thời hạn	1		
3.2	Triển khai thực hiện cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch	3		
a	Triển khai thực hiện thanh tra hành chính	1		
b	Triển khai thực hiện thanh tra chuyên ngành	1		
c	Triển khai kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng	0.5		
d	Thực hiện theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra	0.5		
3.3	Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	3		
a	Tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp dân	1		
b	Xử lý đơn thư kịp thời, chính xác, đúng quy định	1		
c	Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo phát sinh, các vụ việc, tố cáo phức tạp, các vụ việc tồn đọng được cơ quan thẩm quyền giao	1		
3.4	Công tác phòng, chống tham nhũng	1.5		
a	Chấp hành nghiêm quy định về minh bạch tài sản, thu nhập theo quy định	1		
b	Công khai, minh bạch trong hoạt động của Sở Tư pháp	0.5		
3.5	Không có thiếu sót, vi phạm được nêu trong nội dung Kết luận thanh tra của Thanh tra Bộ Tư pháp liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Sở Tư pháp	1.5		
4	Công tác nuôi con nuôi	5		
4.1	Tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực nuôi con nuôi tại địa phương	1.5		
a	Chủ động hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký nuôi con nuôi, tháo gỡ khó khăn vướng mắc ở cấp cơ sở	0.5		

	<i>Chủ động, kịp thời hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký nuôi con nuôi nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc ở cấp cơ sở trong quá trình triển khai Nghị định 24/2019/NĐ-CP</i>	0.5		
	<i>Có hướng dẫn nghiệp vụ nhưng không kịp thời, kéo dài thời gian hướng dẫn (có lý do chính đáng)</i>	0.25		
	<i>Không thực hiện hướng dẫn nghiệp vụ</i>	0		
b	Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về nuôi con nuôi trong nước	0.5		
	<i>Chủ động tổ chức kiểm tra, thanh tra công tác giải quyết nuôi con nuôi trong nước</i>	0.5		
	<i>Không tổ chức kiểm tra, thanh tra việc nuôi con nuôi tại địa phương; địa phương còn để xảy ra tình trạng đăng ký việc nuôi con nuôi sai thẩm quyền, vi phạm quy định của pháp luật nuôi con nuôi trong nước...</i>	0		
c	Chủ động tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật theo quy định; thực hiện việc thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nuôi con nuôi theo sự phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	0.5		
	Chủ động tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật theo quy định	0.25		
	Thực hiện việc thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nuôi con nuôi theo sự phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	0.25		
	<i>Không thực hiện thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật theo quy định; thực hiện việc thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nuôi con nuôi theo sự phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</i>	0		
4.2	Tích cực triển khai thực hiện Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 6/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi	2		

a	Tham gia các lớp tập huấn do Bộ Tư pháp tổ chức nhằm triển khai thực hiện Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 6/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi	0,5		
	<i>Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do Bộ Tư pháp tổ chức</i>	0.5		
	<i>Không tham gia các lớp tập huấn do Bộ Tư pháp tổ chức</i>	0		
b	Tổ chức tập huấn Nghị định số 24/2019/NĐ-CP; bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức tham gia vào quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi tại địa phương	0.75		
	<i>Có tổ chức tập huấn Nghị định số 24/2019/NĐ-CP, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức tham gia vào quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi tại địa phương</i>	0.75		
	<i>Không tổ chức tập huấn Nghị định số 24/2019/NĐ-CP, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức tham gia vào quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi tại địa phương</i>	0		
c	Chủ động tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định của Nghị định số 24/2019/NĐ-CP tại địa phương nhằm nâng cao nhận thức của người dân về pháp luật nuôi con nuôi	0.75		
	<i>Có tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật nuôi con nuôi tại địa phương nhằm nâng cao nhận thức của người dân về pháp luật nuôi con nuôi</i>	0.75		
	<i>Không tổ chức tuyên truyền quy định pháp luật nuôi con nuôi tại địa phương nhằm nâng cao nhận thức của người dân về pháp luật nuôi con nuôi</i>	0		
4.3	Thực hiện công tác giải quyết việc nuôi con nuôi bảo đảm tuân thủ đúng quy định của Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay số 33 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế	1.5		
a	Giải quyết các việc về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của UBND cấp tỉnh	0,5		

mm

	<i>Giải quyết các việc nuôi con nuôi theo thẩm quyền và chỉ đạo của UBND cấp tỉnh đảm bảo chất lượng và thời hạn theo quy định của pháp luật</i>	0.5		
	<i>Giải quyết các việc nuôi con nuôi không đúng quy định pháp luật; Không giải quyết việc nuôi con nuôi</i>	0		
b	Chủ động, kịp thời tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phối hợp liên ngành trong giải quyết việc nuôi con nuôi ở địa phương để thực hiện tốt Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác giải quyết việc nuôi con nuôi trong tình hình mới; Quy chế phối hợp số 721/QC-BTP-BLĐTBXH ngày 14/3/2016 giữa Bộ Tư pháp – Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội về giải quyết việc nuôi con nuôi và các văn bản chỉ đạo tăng cường công tác nuôi con nuôi của địa phương của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	1		
	Có các giải pháp liên ngành nhằm thu hút sự tham gia tích cực của tất cả các cơ sở trợ giúp xã hội tại địa phương trong công tác giải quyết cho trẻ em làm con nuôi; thúc đẩy việc giải quyết nuôi con nuôi đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đang sống tại cộng đồng và cơ sở trợ giúp xã hội	0.5		
	Có các giải pháp liên ngành nhằm tăng số lượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đang sống tại cộng đồng và cơ sở trợ giúp xã hội được giải quyết làm con nuôi	0.5		
	<i>Không có giải pháp</i>	0		
B	THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC	45		
I	THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	20		
1	Chế độ báo cáo công tác định kỳ (Báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết)	10		
1.1	Báo cáo đúng thời gian quy định (Theo yêu cầu tại Công văn hướng dẫn của Bộ Tư pháp về việc sơ kết, tổng kết công tác tư pháp)	1		
	<i>Gửi chậm từ 01 - 02 ngày</i>	0.75		
	<i>Gửi chậm từ 03 - 05 ngày</i>	0.5		

	<i>Gửi chậm từ 06 - 10 ngày</i>	0.25		
	<i>Gửi chậm trên 10 ngày</i>	0		
1.2	Báo cáo đúng thẩm quyền theo Công văn hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1		
	<i>Báo cáo của UBND hoặc của Sở Tư pháp (có kèm văn bản ủy quyền của Chủ tịch UBND)</i>	1		
	<i>Báo cáo của Sở Tư pháp (không được ủy quyền của Chủ tịch UBND)</i>	0		
1.3	Báo cáo đúng kết cấu, chất lượng đảm bảo đầy đủ các nội dung của các mặt công tác tư pháp theo Công văn hướng dẫn của Bộ Tư pháp bao gồm: kết quả; nhận xét, đánh giá (<i>ưu điểm, tồn tại, hạn chế</i>); phương hướng; giải pháp; nhiệm vụ trọng tâm của từng mặt công tác	7		7 - (1 x số nội dung thiếu hoặc lĩnh vực báo cáo thiếu)
1.4	Gửi kèm văn bản điện tử	1		
	<i>Không gửi kèm văn bản điện tử</i>	0		
2	Chế độ báo cáo thống kê theo quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BTP và Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp	10		
2.1	Thời gian chấp hành chế độ báo cáo thống kê	1		
	<i>Gửi báo cáo đúng hạn</i>	1		
	<i>Chậm từ 1-3 ngày</i>	0.75		
	<i>Chậm từ 4-6 ngày</i>	0.5		
	<i>Chậm từ 7-9 ngày</i>	0.25		
	<i>Chậm từ 10 ngày trở lên</i>	0		
2.2	Đảm bảo thể thức	0.5		
	<i>Báo cáo lập theo đúng mẫu, có đầy đủ chữ ký và đóng dấu của người có thẩm quyền</i>	0.5		
	<i>Sai mẫu, thiếu chữ ký và dấu của người có thẩm quyền từ 1-4 biểu</i>	0.25		
	<i>Sai mẫu, thiếu chữ ký và dấu của người có thẩm quyền từ 5 biểu trở lên</i>	0		

2.3	Đủ số lượng biểu và thông tin trong biểu	1.5		
	<i>Thiếu từ 1- 4 biểu</i>	1		
	<i>Thiếu từ 5- 8 biểu</i>	0.75		
	<i>Thiếu từ 9-14 biểu</i>	0.5		
	<i>Thiếu từ 15-19 biểu</i>	0.25		
	<i>Thiếu từ 20 biểu trở lên</i>	0		
2.4	Chất lượng	5		
a	Tính đúng	2		
*	Cộng tổng đúng	0.5		
	<i>Cộng tổng sai hoặc không cộng tổng từ 1-2 biểu</i>	0.25		
	<i>Cộng tổng sai hoặc không cộng tổng từ 3 biểu trở lên</i>	0		
*	Khớp nhóm phân tử	1		
	<i>Không khớp các nhóm phân tử trong cùng chỉ tiêu từ 1-2 biểu</i>	0.5		
	<i>Không khớp các nhóm phân tử trong cùng chỉ tiêu từ 3 biểu trở lên</i>	0		
*	Đúng đơn vị tính	0.5		
	<i>Sai đơn vị tính từ 1-2 biểu</i>	0.25		
	<i>Sai đơn vị tính từ 3 biểu trở lên</i>	0		
b	Số liệu hợp lý (mỗi biểu có số liệu bất hợp lý trừ 0.5 điểm - tối đa trừ đến 3/3 điểm) Bao gồm các trường hợp như: - Số liệu tăng giảm đột biến so với báo cáo cùng kỳ trước nhưng không giải thích lý do; Số liệu tăng, giảm bất thường so với mặt bằng chung trên cả nước nhưng không giải thích lý do; - Số văn bản QPPL được ban hành cao hơn nhiều so với số văn bản được thẩm định trong kỳ báo cáo nhưng không giải thích lý do; không phát hiện tổng số văn bản trái pháp luật nhưng cột thống kê chi tiết lại có số văn bản trái; số văn	3		

	bản xử lý nhiều hơn số văn bản phát hiện trái pháp luật; Không thông kê số phí thu được nhưng lại có số tiền nộp thuế (ngân sách) hoặc ngược lại, có hoạt động có thu phí nhưng không có doanh thu; Có số tổ chức nhưng không có số lượng nhân sự và ngược lại; phí/lệ phí chứng thực thu được cao hoặc thấp hơn so với quy định của pháp luật, số đầu vào (thụ lý/tiếp nhận...) lớn hơn hoặc nhỏ hơn số đầu ra (kết quả giải quyết); số vụ việc kết thúc không khớp với số lượt người được trợ giúp pháp lý.			
2.5	Ứng dụng Công nghệ thông tin	2		
a	Thực hiện đầy đủ 100% biểu trên phần mềm thống kê của Bộ Tư pháp kỳ báo cáo năm chính thức 2018	1		
	<i>Thực hiện từ 70% đến dưới 100% số lượng biểu</i>	0.75		
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 70% số lượng biểu</i>	0.5		
	<i>Thực hiện từ 25% đến dưới 50% số lượng biểu</i>	0.25		
	<i>Không thực hiện</i>	0		
b	Gửi đầy đủ báo cáo qua thư điện tử đến địa chỉ thongketuphap@moj.gov.vn theo một trong các hình thức: bản chụp báo cáo giấy dưới dạng pdf có đủ họ tên người ký, chữ ký, dấu; hoặc sử dụng chữ ký số ký trong kỳ báo cáo 6 tháng và báo cáo năm 2019	1		
	<i>Thực hiện từ 70% đến dưới 100% số lượng biểu</i>	0.75		
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 70% số lượng biểu</i>	0.5		
	<i>Thực hiện từ 25% đến dưới 50% số lượng biểu</i>	0.25		
	<i>Không thực hiện</i>	0		
II	CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG NGÀNH VÀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ	10		
1	VỀ VIỆC KIẾN TOÀN TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ CỦA SỞ TƯ PHÁP	4		
1.1	Kiến toàn tổ chức bộ máy các đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn của Bộ Tư pháp và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền	1		

	<i>Kiến toàn tổ chức bộ máy các đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp có nội dung không phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn của Bộ Tư pháp và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>	0		
1.2	Thực hiện việc quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí đội ngũ Lãnh đạo Sở Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức theo quy định của pháp luật	1		
	<i>Thực hiện việc quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí đội ngũ Lãnh đạo Sở Tư pháp không phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức theo quy định của pháp luật</i>	0		
1.3	Thực hiện việc tuyển dụng, bố trí đội ngũ công chức, viên chức, người lao động của Sở Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định của pháp luật	1		
	<i>Thực hiện việc tuyển dụng, bố trí đội ngũ công chức, viên chức, người lao động của Sở Tư pháp không phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định của pháp luật</i>	0		
1.4	Thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1		
	<i>Thực hiện không đúng các quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</i>	0		
2	VỀ KIẾN TOÀN TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ CÁC PHÒNG TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN	3		
	<i>Đối với các tỉnh bảo đảm bố trí 100% đội ngũ công chức làm việc tại các Phòng Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp</i>	3		

	Đối với các tỉnh bảo đảm bố trí từ 80% đến dưới 100% đội ngũ công chức làm việc tại các Phòng Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp	2		
	Đối với các tỉnh bảo đảm bố trí từ 60% đến dưới 80% đội ngũ công chức làm việc tại các Phòng Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1		
3	Về kiện toàn đội ngũ công chức Tư pháp – Hộ tịch trên địa bàn	2		
	Đối với các tỉnh bảo đảm bố trí 100% số công chức Tư pháp – Hộ tịch làm công tác hộ tịch có trình độ từ Trung cấp Luật trở lên và 100% đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch theo Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho công chức làm công tác hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp huyện (Ban hành kèm theo Quyết định số 2247/QĐ-BTP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)	2		
	Đối với các tỉnh bảo đảm bố trí từ 80% đến dưới 100% số công chức Tư pháp – Hộ tịch làm công tác hộ tịch có trình độ từ Trung cấp Luật trở lên hoặc từ 80% đến dưới 100% đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch theo Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho công chức làm công tác hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp huyện	1.5		
	Đối với các tỉnh chỉ bảo đảm bố trí được từ 60% đến dưới 80% số công chức Tư pháp – Hộ tịch làm công tác hộ tịch có trình độ từ Trung cấp Luật trở lên hoặc từ 60% đến dưới 80% đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch theo Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho công chức làm công tác hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp huyện	1		
4	Tập thể đoàn kết, tổ chức đảng và các đoàn thể đạt trong sạch, vững mạnh	1		
	Đối với các Sở Tư pháp để xảy ra tình trạng tập thể mất đoàn kết (có kết luận của cơ quan có thẩm quyền) hoặc có sai phạm trong công tác tổ chức cán bộ (có tập thể hoặc công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật)	0		

III	CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG	10		
1	Công tác thi đua	4		
1.1	Tổ chức hưởng ứng và phát động, đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua năm 2019	1		
1.2	Tổ chức các hoạt động kiểm tra phong trào thi đua	1		
1.3	Tổ chức các hoạt động sơ kết, tổng kết phong trào thi đua	1		
1.4	Tham gia đầy đủ các hoạt động triển khai phong trào thi đua, các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng do Bộ Tư pháp tổ chức	1		
2	Công tác khen thưởng	4		
2.1	Thực hiện bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng	1		
	<i>Thực hiện bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đảm bảo khách quan, chính xác đúng quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng</i>	1		
	<i>Bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không đúng quy định (vượt tỷ lệ theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành, hoặc bình xét không đúng đối tượng, tiêu chuẩn.....)</i>	0.5		
2.2	Đảm bảo tỷ lệ đề nghị khen thưởng theo hướng dẫn của Bộ, chấp hành tốt các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng	3		
a	Gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng theo đúng thời hạn hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1		
b	Hồ sơ đề nghị khen thưởng đúng trình tự, thủ tục theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1		
c	Đảm bảo tỷ lệ đề nghị khen thưởng theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1		
3	Thực hiện tự chấm điểm đánh giá xếp hạng Sở Tư pháp năm 2019	2		
3.1	Tổ chức tự chấm điểm	1		
	<i>Tổ chức tự chấm điểm đầy đủ, tổng hợp kết quả tự chấm điểm chính xác các lĩnh vực, nhiệm vụ công tác</i>	1		
	<i>Tổ chức tự chấm điểm chưa đầy đủ các lĩnh vực, nhiệm vụ công tác, tổng hợp kết quả tự chấm điểm không chính xác</i>	0.5		
3.2	Báo cáo kết quả tự chấm điểm về Bộ Tư pháp	1		

	<i>Báo cáo kết quả tự chấm điểm đúng thời hạn, có đầy đủ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	1		
	<i>Báo cáo kết quả tự chấm điểm có đầy đủ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhưng muộn hơn so với thời hạn quy định</i>	0.5		
	<i>Có báo cáo kết quả tự chấm điểm nhưng không có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	0		
IV	PHỐI HỢP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DO BỘ, NGÀNH TƯ PHÁP GIAO NĂM 2019	5		
1	Tham gia góp ý các văn bản theo yêu cầu của Bộ Tư pháp	1		
1.1	Tham gia góp ý đầy đủ các văn bản theo yêu cầu của Bộ Tư pháp	0.5		
1.2	Tham gia góp ý đúng hạn các văn bản theo yêu cầu của Bộ Tư pháp	0.5		
2	Tham mưu cho UBND cấp tỉnh phối hợp hiệu quả với Bộ Tư pháp trong công tác tổ chức thực hiện nhiệm vụ, hoạt động công tác tư pháp tại địa phương	1		
3	Tham gia các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm về công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu, triệu tập của Bộ Tư pháp	1		
	<i>Tham gia đầy đủ các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm về công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu, triệu tập của Bộ Tư pháp</i>	1		
	<i>Tham gia không đầy đủ các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm về công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu, triệu tập của Bộ Tư pháp</i>	0.5		
4	Thực hiện các chỉ đạo của Bộ trong công tác tư pháp	1		
	<i>Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả 100% chỉ đạo của Bộ trong công tác tư pháp</i>	1		
	<i>Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả từ 80% đến dưới 100% chỉ đạo của Bộ trong công tác tư pháp</i>	0.75		
	<i>Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả từ 60% đến dưới 80% chỉ đạo của Bộ trong công tác tư pháp</i>	0.5		

	<i>Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả dưới 60% chỉ đạo của Bộ trong công tác tư pháp</i>	0		
5	Tham mưu tổ chức triển khai hiệu quả công tác tư pháp cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh, thành phố	1		
	<i>Có phản ánh của báo chí đúng sự thật về công tác tư pháp tại cấp huyện, cấp xã</i>	0.5		
	<i>Có xảy ra sai phạm về công tác tư pháp tại cấp huyện, cấp xã</i>	0		
	Tổng điểm	200		